

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 325: Đoạn Kinh Văn Đây Là Phần Kết Thúc Cho Đoạn Văn Trước. Là Chỗ Điểm Nhấn Kết HuyệT Của Thiên Ngôn Vạn Ngữ Từ Khi Cát LờI ThuyệT Pháp Đến Chỗ Đây. Ý Thú Rất Sâu Sắc

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 026)

Chuyên ngữ: Tịch Minh



【Đoạn kinh văn này là phần kết thúc cho đoạn văn trước. Là chỗ điểm nhấn kết huyệT của thiên ngôn vạn ngữ từ khi cát lờI thuyệT pháp đến chỗ này. Ý thú rất sâu sắc.】

Các vị đồng tu thông thường đều biết, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông, năm xưa ở dưới hội của Ngũ Tổ, khi Ngũ Tổ giảng *Kinh Kim Cang* cho Ngài nghe, giảng đến chỗ này thì Ngài khai ngộ, đại triệt đại ngộ, phần phía sau không cần giảng nữa. Một ngộ là tất cả ngộ, không những nghĩa lý của *Kinh Kim Cang* Ngài đã minh bạch, mà nghĩa lý của Đại Bát Nhã Ngài cũng minh bạch, cho đến tất cả pháp mà Thế Tôn đã thuyết trong 49 năm, chẳng những là xuất thế gian pháp mà thế gian pháp cũng không có thứ gì là không thông đạt, không có thứ gì là không minh liễu. Ngài hướng về Thầy của mình, chính là Hòa thượng Hoàng Nhẫn (Ngũ Tổ), trình lên báo cáo tâm đắc của mình. Tuy ngôn ngữ không nhiều, nhưng Tổ sư Hoàng Nhẫn nghe xong, gật đầu ấn chứng cho Ngài, chứng minh xác thực là Ngài đã minh tâm kiến tánh.

Chúng ta biết Lục Tổ Huệ Năng đại sư chưa từng đi học, dùng lời hiện đại mà nói, Ngài là một người làm công việc nặng nhọc. Trước khi xuất gia, Ngài đốn củi bán củi để sống qua ngày, đó là một công việc rất vất vả. Vào thời đại xưa, gia đình thông thường đều dùng củi làm nhiên liệu, đốt bếp lớn đều phải dùng củi. Có những người nghèo khổ lên núi đốn củi, gánh vào trong thành để bán, là công việc tương đối khổ cực, Ngài lại không biết chữ.

Khi đến đạo tràng của Ngũ Tổ, đồ chúng của Ngũ Tổ rất đông. Ngài vừa mới đến đó, Ngài đến là vì phát tâm muốn xuất gia. Xuất gia phải hội đủ điều

kiện xuất gia, có hoàn cảnh để xuất gia. Đồ chúng học trò của Tổ sư Hoàng Nhẫn đông như vậy, Huệ Năng đến đó đương nhiên cũng không thể ngoại lệ, cũng phải theo thứ tự mà xếp hàng, Ngài xếp ở vị trí cuối cùng. Đạo tràng này, đệ tử của Lão Pháp sư có mấy trăm người, mấy ngàn người, Ngài xếp ở sau chót. Cho nên Ngài chưa được thể độ, chưa được xuống tóc, trước tiên phải Ngài xuống phòng giã gạo để làm công quả. Phòng giã gạo chính là nơi làm việc trong nhà bếp. Chúng ta biết thời đó, đạo tràng của Hòa thượng Hoàng Nhẫn có khoảng hai, ba ngàn người. Hai, ba ngàn người ăn cơm thì gạo đó cần phải giã, củi lửa cần phải có người đi đốn, cần có người chẻ củi. Cho nên Ngài được phân công vào trong phòng giã gạo, làm công việc giã gạo, chẻ củi, tu khổ hạnh. Người khác nhìn vào dường như là đến chùa làm khổ sai, chúng ta hiện nay gọi là làm nghĩa công (công quả), làm khổ sai, kỳ thực Ngài ở ngay chỗ đó mà tu Giới - Định - Tuệ, tu Lục Ba La Mật, Ngài là chân tu.

Duyên phận của Ngài với *Kinh Kim Cang* có thể nói là vô cùng sâu sắc. Ban đầu vì bán củi, Ngài nghe được một người khách tụng *Kinh Kim Cang*, Ngài ở ngoài cửa sổ lắng nghe, nghe được rất hoan hỷ, bèn hỏi người khách này: “Ông tụng kinh gì vậy?”. Người khách liền chỉ dạy cho Ngài. Người khách rất tôn trọng Ngài, tuy Ngài là một người bán củi, nhưng từ cách nói năng đối đáp, biết Ngài có trí huệ khá cao, cho nên mới bảo Ngài rằng: “Hòa thượng Hoàng Nhẫn (Ngũ Tổ) đang truyền pháp tại Hoàng Mai, nếu ông có hứng thú với *Kinh Kim Cang*, nghe mà có tâm đắc, thì có thể đến nơi đó để tham học”. Thế mới đến Hoàng Mai.

Làm việc được tám tháng, Lão Pháp sư tuổi đã cao, muốn truyền pháp. Truyền pháp cũng có điều kiện, cần phải chân chánh khai ngộ thì pháp mới có thể truyền, nếu chưa khai ngộ thì dù có theo Lão Pháp sư thời gian lâu hơn nữa cũng không có cách gì đắc pháp. Lão Pháp sư truyền pháp rất là dân chủ, thông báo cho toàn thể tín đồ trong chùa, bất luận là xuất gia hay tại gia đều được, yêu cầu mọi người làm một bài kệ trình lên cho Lão Hòa thượng xem. Lão Hòa thượng xem kiến giải của người đó có khai ngộ hay không, nếu khai ngộ thì truyền Tổ vị cho người đó. Pháp sư Hoàng Nhẫn là đời thứ năm, truyền xuống dưới là đời thứ sáu, y bát liền truyền cho người đó. Y bát này là vật dụng của chính Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đời đời truyền thừa lại, y bát chính là bằng chứng, người đạt được y bát này chính là Tổ sư của một đời.

Sau khi Thế Tôn diệt độ, y bát này giao cho Tôn giả Ca Diếp, đời đời truyền thừa, truyền đến đời thứ hai mươi tám là Đạt Ma. Đạt Ma đến Trung

Quốc, đem y bát của Phật mang đến Trung Quốc. Đạt Ma ở Ấn Độ là đời thứ hai mươi tám, ở Trung Quốc được tính là đời thứ nhất, là Sơ Tổ của Trung Quốc. Đời đời truyền thừa, truyền đến đời thứ năm là Hòa thượng Hoằng Nhãn. Câu chuyện này chúng ta không cần nói nhiều, chư vị đều khá quen thuộc. Từ bài kệ này, chính là ngay trong đoạn kinh văn này mà triệt ngộ, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Ngài. Ngài là cư sĩ, chưa xuất gia, y bát liền truyền cho Ngài.

Từ đó cho thấy, truyền y bát không nhất định phải xuất gia, vấn đề là bạn có minh tâm kiến tánh hay không, cái này quan trọng, xuống tóc hay không xuống tóc không quan trọng. Đây là điều chúng ta nhìn thấy rất rõ ràng từ sự việc này. Các vị hiện tại có rất nhiều người muốn phát tâm xuất gia, quý vị nghe câu chuyện này thì sẽ hiểu cái hình thức không quan trọng, quan trọng nhất là quý vị có thật sự khai ngộ hay không!

Tại sao Huệ Năng lại khai ngộ, còn Thần Tú không khai ngộ? Thần Tú theo Đại sư Hoằng Nhãn mười mấy năm, ở trong đạo tràng đó Ngài được xem là Thượng thủ Hòa thượng, thường thường thay thế Lão Pháp sư giảng kinh thuyết pháp, có năng lực thay Lão Pháp sư giảng kinh thuyết pháp, vậy mà Ngài vẫn không đắc được y bát, nguyên nhân ở chỗ nào? Chư vị nghe *Kinh Kim Cang* hai mươi mấy ngày nay, chắc hẳn đã minh liễu, Ngài ấy vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. *Kinh Kim Cang* chính là dạy chúng ta lìa phân biệt chấp trước, Thần Tú vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Các vị xem bài kệ Ngài làm: “*Thân thị Bồ Đề thọ, tâm như minh kính đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhĩ trần ai*” (Thân là cây Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn phải lau chùi, chớ để dính bụi trần). Các vị thử nghĩ xem, Ngài ấy có phân biệt, có chấp trước hay không? Chính vì có phân biệt, có chấp trước nên không thể kiến tánh. Chỗ cao minh của Đại sư Huệ Năng chính là Ngài không có phân biệt chấp trước. Chúng ta học Phật cần phải lưu ý ở chỗ này.

Đoạn kinh văn này, trong chú giải có nói, không những là đoạn nhỏ phía trước này, mà có thể nói là từ khi bắt đầu *Kinh Kim Cang* giảng mãi cho đến chỗ này, đoạn này được xem là một tổng kết; “*Chỗ điểm nhãn kết huyệt của thiên ngôn vạn ngữ*”. “Điểm nhãn kết huyệt” là tỷ dụ, là chỗ máu chốt quan trọng. Người thế gian thường nói “họa long điểm nhãn” (vẽ rồng điểm mắt), là lấy cái ý nghĩa này, cho nên ý nghĩa rất sâu. Không ít người lấy hai câu này làm căn cứ để quán chiếu trong đời sống thường ngày: “**Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**”.

Thật ra mà nói, bất kỳ hai câu hay bốn câu nào trong *Kinh Kim Cang* đều có thể dùng làm công phu quán chiếu, không nhất định phải là hai câu này, nhưng hai câu này quả thật là rất hay. Người dùng hai câu này để quán chiếu vô cùng nhiều, mấu chốt chính là quý vị có thể đề khởi được công phu này hay không. Nhà Thiền thường nói: “*Bất phàm niệm khởi, duy khứng giác trì*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm), giác chính là quán chiếu, niệm là vọng niệm. Thông thường vọng niệm của chúng ta khởi lên, niệm này nối tiếp niệm kia, niệm kia nối tiếp niệm nọ, vọng niệm dừng không được. Kinh văn tuy thường thường đọc, nhưng đến lúc đó lại quên mất, đem kinh văn quên sạch, vọng niệm cứ tiếp tục không ngừng khởi lên, đây gọi là công phu không đắc lực. Quán chiếu rất quan trọng!

Phía trước chúng ta đã giảng qua, cần phải “tịnh niệm tương kế”. Tịnh niệm tương kế vốn là lời của Đại Thế Chí Bồ Tát nói. Bồ Tát dạy “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*”, cùng với hai câu “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” của *Kinh Kim Cang*, có thể nói đều là tổng cương lĩnh tu trì của toàn bộ Phật pháp. Không thể giới hạn hai câu này nhất định là dùng trong Bát Nhã, dùng trong Thiền Tông, còn các tông khác dùng không được, thế thì quý vị sai rồi. “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế” của Đại Thế Chí Bồ Tát cũng không giới hạn ở niệm Phật, mà tham Thiền, học Giáo, niệm Chú thầy đều dùng được cả. Mấu chốt là quán chiếu phải tương kế (nối tiếp), không thể gián đoạn. Hễ gián đoạn thì vọng niệm liền khởi lên, vọng niệm khởi lên đó chính là làm chuyện lục đạo luân hồi. Từ đó cho thấy, dụng công là công phu quyết định không thể gián đoạn, phải đem phân biệt, vọng tưởng, chấp trước của chính mình thầy đều đánh tan.

Kinh Kim Cang vừa mở đầu: “Hàng phục kỳ tâm”, hai câu này rất hay. Cảnh giới hiện tiền, nghĩ đến Phật dạy chúng ta “*Ứng vô sở trụ*”. Vô sở trụ chính là không có phân biệt, không có chấp trước. Bất luận là cảnh giới gì, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt, tất cả mọi cảnh giới hiện tiền đều đừng phân biệt, đều đừng chấp trước, đây chính là cái ý nghĩa của “*Ứng vô sở trụ*”; cũng là điều chúng ta đã đọc được ở phía trước: “*Đắc vô sở đắc, hành vô sở hành*”. Đắc, bất luận đắc được cái gì, người xuất gia tu hành đắc Thiền định, đắc trí huệ, đắc chánh quả, phía trước đã nói qua rồi, Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, cho đến Thích Ca Mâu Ni Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng đắc quả vị Bát Địa Bồ Tát, các Ngài không chấp trước, trong tâm thanh tịnh, đắc như không đắc, đây là nói

về tu hành. Bất luận ở quả vị nào, bất luận ở pháp môn nào, đều là thái độ này, tâm địa vĩnh viễn giữ gìn thanh tịnh.

Trong pháp thế gian, ví dụ như trong đời sống thường ngày của các vị, các vị được tài phú rồi, được vinh dự rồi, trên thế gian đạt được địa vị rồi, các vị học *Kinh Kim Cang* là “đắc vô sở đắc”, tâm của các vị là bình lặng, không có được thì sẽ không có mất. Khi được thì hoan hỷ, hoan hỷ là phiền não, tâm phải bình lặng mới tốt. Hoan hỷ, tâm động rồi. Khi mất đi, ngu cũng không được, khổ sở vô cùng, lại sanh phiền não. Được cũng là phiền não, mất cũng là phiền não, quý vị xem cái đó khổ biết bao, cái đó đều gọi là tạo nghiệp luân hồi.

Phật dạy cho chúng ta, chúng ta phải sống một đời sống bình thường, sống đời sống của Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát ở trong tất cả cảnh giới đều không động tâm, không có được cũng không có mất, không có sanh cũng không có diệt, điều này tự tại biết bao! Đây gọi là quán chiếu. Chúng ta phải chuyển đổi cái quan niệm này lại, trong từng niệm không thể để mất đi, hễ mất đi thì phiền phức liền đến, phiền não liền khởi lên, nghiệp chướng liền hiện tiền, cho nên không thể để mất đi, niệm niệm đều dùng công phu này, đó gọi là biết dụng công.

Thích Ca Mâu Ni Phật ở phần mở đầu bộ kinh này: “*Trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực*”. Đoạn kinh văn này chính là mặc áo ăn cơm, mỗi ngày đi làm việc, chính là ý nghĩa này. Công việc của Phật là đi ra ngoài khát thực, Ngài đi làm việc. Chúng ta mặc áo ăn cơm, tất cả mọi công việc đều dùng công phu quán chiếu. Mặc áo, không chấp trước cái tướng mặc áo; ăn cơm, không chấp trước cái tướng ăn cơm, không có phân biệt, không có chấp trước, tất cả đều tùy duyên, vậy thì tự tại rồi, đây chính là “ưng vô sở trụ”. “Nhi sanh kỳ tâm”, đó là rất trang nghiêm, rất thận trọng, làm việc chăm chỉ, một chút cũng không cầu thả. Mặc áo, áo quần sạch sẽ gọn gàng, ngay ngắn chỉnh tề, không thể lồi thoi lếch thếch, khiến cho người ta nhìn thấy sanh tâm cung kính; ăn cơm cũng có oai nghi, cũng ăn rất quy củ. Chúng ta hiện nay thường nói, quý vị có thể chú trọng vệ sinh, giữ gìn sức khỏe thân tâm, phải ăn ít. Chúng ta thông thường nói, ăn cơm tốt nhất là ăn bảy phần no là đủ rồi, ăn uống thô tháo, cái tướng đó cũng không đẹp mắt, cũng không vệ sinh, ăn vào sanh ra một thân bệnh hoạn.

Ăn cơm có quy củ của ăn cơm, hiện nay không còn quá chú trọng nữa. Trước đây người Trung Quốc chúng ta, quy củ ăn cơm rất lớn, các vị đọc *Kinh Lễ (Lễ Ký)* thì biết, ngay cả cách bài trí món ăn cũng đều có phép tắc, đều không

thể bày bừa bãi, món ăn cũng phải bày theo âm dương ngũ hành, việc này rất là cầu kỳ, quý vị bày sai rồi, người ta sẽ chê cười quý vị, nói quý vị không có học vấn, chưa từng đi học. Hiện nay không còn giảng giải những thứ này nữa, cho nên trước kia nhất cử nhất động đều có quy củ, “nhi sanh kỳ tâm” là nói điều này. Nói cách khác, Phật Bồ Tát nhất cử nhất động đều làm tấm gương cho người thế gian chúng ta, làm tấm gương tốt. Chúng ta đã phát tâm học Phật, thì phải học đời sống của Phật Bồ Tát, học Phật Bồ Tát cách sống qua ngày như thế nào, cũng phải làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh. Ở trong gia đình là tấm gương tốt cho người nhà, ở ngoài xã hội là làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh, đây gọi là Phật pháp. Học Phật chính là đem cái đời sống phàm phu trước kia của chúng ta, cái tư tưởng lục đạo luân hồi vứt bỏ đi, chúng ta sống đời sống của Phật Bồ Tát, chúng ta dùng tư tưởng của Đại Bồ Tát, tự hành hóa tha, tự độ độ tha, học Phật như vậy mới có thể đạt được thọ dụng chân thật, mới có thể đạt được lợi ích chân chánh.

Học Phật, *Kinh Kim Cang* từ đầu đến cuối, chúng ta mới giảng được một phần tư, phía sau còn ba phần tư nữa, càng về sau càng đặc sắc, ý nghĩa quan trọng đều nằm ở phía sau. *Kinh Kim Cang* không dễ giảng, khó là ở chỗ này, phần đặc sắc nằm ở phía sau, nếu phần trước đều giảng ra hết rồi, đến phần sau không còn gì để giảng nữa, cho nên phần trước giảng có vẻ mờ nhạt, càng về sau càng rõ ràng, đây chính là điểm khó khăn hơn đôi chút khi thuyết giảng. Bởi vì các vị đồng tu thính chúng, không nhất định có thể nghe từ đầu đến cuối, có lúc hôm nay đến, ngày mai không thể đến, nửa bộ đầu họ đến nghe rồi, nửa bộ sau họ không có duyên phận, vì thế những chỗ quan trọng ở phía sau, chúng tôi cũng thường đề khởi ra để giảng đôi câu, tuy không thể giảng được rất nhiều, nhưng đều hé lộ một chút tin tức, khiến chúng ta thật sự có thể đạt được lợi ích, biết cách tu hành như thế nào.

Thật sự phát tâm tu hành, *Kinh Kim Cang* là dạy chúng ta tu từ căn bản. Căn bản là gì? Tâm địa. Tâm phải chân thành, tâm phải thanh tịnh, tâm phải từ bi. “Ứng vô sở trụ” chính là thanh tịnh, “hành u bố thí” chính là đại từ đại bi. Bố thí bao hàm tất cả pháp. “Hành u bố thí”, thật ra mà nói chính là biểu hiện ngay trong đời sống thường ngày của chúng ta, ứng dụng vào trong đời sống thường ngày, đây chính là ý nghĩa của “hành u bố thí” trên kinh văn. Mọi người không thể hiểu sai ý nghĩa của kinh văn, cho rằng “hành u bố thí” là đi đến chùa miếu để quyên một ít tiền, như vậy là hiểu sai rồi, sai lầm quá lớn. Thích Ca Mâu Ni Phật không có đi đến đâu để quyên tiền, Ngài mỗi ngày đắp y mang bát,

vào thành lớn Xá Vệ khát thực, Ngài không có đi quyên tiền. Điều này nói rõ, “hành ư bố thí” chính là đời sống thường ngày, bố thí là xả, là buông xuống, chính là ngay trong đời sống thường ngày, mọi thứ đều buông xuống được, mọi thứ đều nhìn thấu được, đây gọi là hành ư bố thí, là cái ý nghĩa này. “Hành ư bố thí”, thực chất mà nói chính là làm một tấm gương tốt cho người thế gian xem, khiến cho người thế gian sau khi nhìn thấy, sanh tâm hâm mộ, sanh tâm ngưỡng mộ, họ liền đến học Phật.

Phật pháp là Sư đạo. Sư đạo ở Trung Quốc và Ấn Độ thời xưa là tương đồng, đều rất được tôn trọng, tôn sư trọng đạo. “*Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (Chỉ nghe nói người đến học, chưa từng nghe nói thầy đi dạy). Quý vị xem Đại Tạng Kinh, toàn bộ Phật pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật có lời kéo tín đồ hay không? Không có. Chẳng những Thích Ca Mâu Ni Phật không lời kéo tín đồ, mà học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật có người nào ở bên ngoài lời kéo tín đồ không? Cũng không có. Trong tôn giáo có lời kéo tín đồ, trong giáo dục không có lời kéo tín đồ. Học sinh làm sao mà đến? Tự mình đến, đến cầu học, học sinh cần phải cầu, tự quý vị phải đến cầu, đâu có lý nào thầy giáo đi tìm quý vị, không có cái đạo lý này.

Những người này làm sao biết được Thích Ca Mâu Ni Phật có sự giáo dục tốt như vậy, chúng ta nên đến theo Ngài để học? Phương pháp rất nhiều. Những phương pháp này chính là học sinh, các đệ tử của Phật, làm học sinh nhất định phải đem đạo đức học vấn của Thầy, cần phải tuyên dương ra bên ngoài. Mục đích của việc tuyên dương không phải là muốn người ta cung kính Thầy, không phải muốn người ta cúng dường Thầy, không phải cái này, tuyên dương là để mọi người biết được, những người thật sự phát tâm muốn cầu học biết được ở nơi đó có một người dạy rất tốt, là như vậy đó. Cho nên học sinh có nghĩa vụ phải tuyên dương, nhưng không được phép lôi kéo người. Dùng phương pháp gì để tuyên dương? Phương pháp cũng rất khéo léo, chính là tự mình tu trì. Bạn tu được tốt, người ta vừa hỏi: “Bạn học từ đâu vậy?”. “Thầy của tôi là người đó...”, giới thiệu như vậy, nhưng tuyệt nhiên chẳng khuyên mời họ, họ nếu thật sự phát tâm, họ sẽ tự mình đi đến. Cho nên là tự mình chăm chỉ tu hành, Thầy dạy thế nào, tôi làm y như thế ấy, là phương pháp này.

Từ đó cho thấy, chúng ta học Phật rồi, quy y Tam Bảo, hoặc giả là thọ Ngũ Giới, Bồ Tát Giới, quý vị phải làm cho thật ra dáng, để cho hàng xóm, thân thích bằng hữu của quý vị vừa nhìn thấy quý vị liền sanh tâm cung kính đối với quý vị: “Sao bạn lại tốt đến thế?”. Điều đầu tiên là để người ta có một quan

niệm: “Sao cuộc sống của bạn trôi qua vui vẻ đến thế? Sao bạn lại hạnh phúc đến thế?”. Tôi học Phật, học Phật sẽ được hạnh phúc, học Phật sẽ được vui vẻ, học Phật sẽ được thân thể khỏe mạnh, học Phật sẽ được tướng mạo viên mãn, cái này rất thu hút người ta, dùng phương pháp này để tuyên truyền Phật giáo, dùng phương pháp này thay Phật chiêu sinh. Cho nên không khuyên người, mà dùng hành động thực tế, dùng phương pháp này.

Trong ngôn ngữ, chính là tán thán. Giống như hôm nay chúng ta vừa khai kinh, chúng ta phải xướng “Tán Lư Hương”, những bài tán này là tán thán Phật, có phải là đem cái này để cúng dường cho Phật không? Sai rồi, bài tán này chính là để chiêu sinh, tán thán trí huệ của Phật, tán thán đức năng của Phật, tán thán lòng từ bi của Phật, để cho người khác nghe. Nghe xong rồi, thấy Phật tốt như vậy, chúng ta nên đến thân cận Ngài, là cái ý nghĩa này. Cho nên bài tán phải xướng cho trang nghiêm, phải xướng cho rất chững chạc, phải xướng cho từng chữ phân minh, để người ta nghe vào nghe rất rõ ràng. Nếu khi xướng mà không hiểu dụng ý ở trong đó, cứ theo cái âm điệu đó mà xướng, câu chữ đều không phân biệt được, hiệu quả liền không còn nữa, nghe quý vị a a u u cả nửa ngày trời, không biết đang xướng cái gì, một chữ cũng nghe không rõ, hiệu quả này hoàn toàn mất hết. Dụng ý của bài tán là khiến cho những người chưa học Phật, sau khi nghe thấy: “Phật có trí huệ lớn như thế, học vấn tốt như thế”, khiến cho họ cảm động, họ đến thân cận. Cho nên trong cửa Phật có một bộ phương pháp chiêu sinh, đây chính là “bất xả chúng sanh” (không bỏ chúng sanh), đây chính là pháp môn phương tiện của tâm đại từ đại bi, chúng ta cần phải hiểu rõ.